

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA: QTKD

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021-2022

Môn: **Quản trị thương hiệu; Lớp: CCQ2012AB**

Nhóm: **02**

CBGD: **Hà Minh Phước**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226034	1	2120120142	Nguyễn Thị Vân	Anh	CCQ2012E	8.0	8.5	8.3	
226034	2	2120120003	Cao Thế	Anh	CCQ2012A	7.0	6.5	6.7	
226034	3	2120120452	Nguyễn Thị Bích	Chi	CCQ2012N	6.5	6.5	6.5	
226034	4	2120120644	Lê Thị Kim	Chi	CCQ2012E	7.9	7.0	7.4	
226034	5	2120120392	Trần Thục	Đoan	CCQ2012L	7.8	6.5	7.0	
226034	6	2120120144	Phan Thị Hồng	Dung	CCQ2012E	8.0	7.5	7.7	
226034	7	2120120179	Nguyễn Thị Thùy	Dung	CCQ2012F	7.9	6.5	7.1	
226034	8	2120270076	Đinh Phi	Hải	CCQ2027C	7.0	5.5	6.1	
226034	9	2120120150	Trần Thị	Hằng	CCQ2012E	7.9	8.0	8.0	
226034	10	2120120149	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	CCQ2012E	7.4	6.5	6.9	
226034	11	2120120630	Nguyễn Thị Ngọc	Hậu	CCQ2012B	7.9	7.0	7.4	
226034	12	2120270079	Nguyễn Thị Kim	Hiền	CCQ2027C	8.1	6.0	6.9	
226034	13	2120120360	Lê Thị Ngọc	Hiền	CCQ2012K	7.1	4.5	5.6	
226034	14	2120120652	Nguyễn Thanh	Hòa	CCQ2012F	7.1	6.0	6.5	
226034	15	2120120397	Lê Thị Thu	Hoài	CCQ2012L	7.9	6.5	7.1	
226034	16	2120120427	Lê Thị Ngọc	Huệ	CCQ2012M	8.5	8.5	8.5	
226034	17	2120120573	Trương Văn	Huy	CCQ2012M	7.1	7.0	7.1	
226034	18	2120120157	Nguyễn Duy	Kha	CCQ2012E				v
226034	19	2120120159	Đỗ Gia	Khánh	CCQ2012E	7.5	6.0	6.6	
226034	20	2120270083	Nguyễn Đăng	Khoa	CCQ2027C	6.8	6.5	6.6	
226034	21	2120120186	Đỗ Quỳnh Mai	Khôi	CCQ2012F	7.1	5.0	5.9	
226034	22	2120270110	Nguyễn Duy	Khương	CCQ2027D				v
226034	23	2120270046	Lê Thị Thúy	Kiều	CCQ2027B	7.6	8.5	8.2	
226034	24	2120120695	Võ Thị Ngọc	Lài	CCQ2012M	8.5	8.5	8.5	
226034	25	2120120188	Đào Thị	Lanh	CCQ2012F	7.9	7.0	7.4	
226034	26	2120120254	La Thị Dương	Liên	CCQ2012H	7.3	5.0	5.9	
226034	27	2120120014	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CCQ2012A	7.4	5.0	6.0	
226034	28	2120120464	Đặng Văn	Lộc	CCQ2012N	7.3	8.0	7.7	
226034	29	2120200189	Chế Thị Hòa	May	CCQ2020F	7.5	5.5	6.3	
226034	30	2120120192	Phạm Thị Huỳnh	Nga	CCQ2012F	7.6	4.5	5.8	
226034	31	2120270088	Nguyễn Thị Thu	Nga	CCQ2027C	7.8	6.0	6.7	
226034	32	2120120164	Lê Thị Bích	Ngân	CCQ2012E	8.0	8.0	8.0	
226034	33	2120120653	Nguyễn Thị Lê Ph	Ngân	CCQ2012F	7.6	5.0	6.1	
226034	34	2120120053	Nguyễn Phương H	Ngọc	CCQ2012B	7.1	4.5	5.6	
226034	35	2120120646	Đỗ Thị Hồng	Nguyên	CCQ2012E	7.0	5.0	5.8	
226034	36	2120270228	Huỳnh Triệu Ái	Nhi	CCQ2027G	7.9	5.5	6.5	

226034	37	2120120408	Hoàng Thị Yến	Nhi	CCQ2012L	7.6	8.0	7.9	
226034	38	2120120193	Vô Thanh Quỳnh	Như	CCQ2012F	7.0	5.0	5.8	
226034	39	2120270124	Lê Thị Mỹ	Nhung	CCQ2027D	7.8	5.5	6.4	
226034	40	2120120227	Lê Trọng	Phúc	CCQ2012G	7.9	7.0	7.4	
226034	41	2120100056	Nguyễn Thị Hoài	Phương	CCQ2027G	7.4	5.0	6.0	
226034	42	2120120229	Lê Thị	Quanh	CCQ2012G				v
226034	43	2120120059	Nguyễn Minh Thà	Quý	CCQ2012B	7.6	6.5	7.0	
226034	44	2120270093	Đoàn Thị Kim	Quyền	CCQ2027C	8.3	7.0	7.5	
226034	45	2120270094	Vô Văn	Quynh	CCQ2027C	7.3	6.0	6.5	
226034	46	2120120568	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	CCQ2012F	7.9	8.0	8.0	
226034	47	2120120196	Nguyễn Như	Quỳnh	CCQ2012F	7.6	6.0	6.7	
226034	48	2120120338	Lê Đỗ Phương	Quỳnh	CCQ2012J	7.0	6.5	6.7	
226034	49	2120120197	Trần Như	Quỳnh	CCQ2012F	7.6	6.0	6.7	
226034	50	2120120476	Trần Thị Thảo	Sương	CCQ2012N	7.0	5.0	5.8	
226034	51	2120120061	Nguyễn Thị Hồng	Sương	CCQ2012B	7.1	6.5	6.8	
226034	52	2120120200	Nguyễn Duy	Tân	CCQ2012F	7.0	5.0	5.8	
226034	53	2120120201	Lê Xuân	Tây	CCQ2012F				v
226034	54	2120120441	Trà Lê Phương	Thảo	CCQ2012M	8.1	7.0	7.5	
226034	55	2120120169	Trương Huỳnh	Thiên	CCQ2012E	8.0	6.5	7.1	
226034	56	2120120170	Nguyễn Thị Hoa	Thơm	CCQ2012E	7.5	5.0	6.0	
226034	57	2120120028	Trình Thị Hoài	Thương	CCQ2012A	7.9	6.0	6.8	
226034	58	2120120647	Nguyễn Thị Bích	Thùy	CCQ2012E	7.6	6.0	6.7	
226034	59	2120120171	Lê Thị	Thùy	CCQ2012E	7.4	6.0	6.6	
226034	60	2120120202	Phan Ngọc Nhã	Thùy	CCQ2012F	7.6	6.0	6.7	
226034	61	2120270135	Nguyễn Văn	Trúc	CCQ2027D	7.0	5.5	6.1	
226034	62	2120120378	Vô Văn	Trường	CCQ2012K	7.6	7.0	7.3	
226034	63	2120120632	Phạm Quang	Trường	CCQ2012B				v
226034	64	2120120207	Trần Thị Ngọc	Tú	CCQ2012F	7.3	6.0	6.5	
226034	65	2120120702	Trần Thị Ánh	Tuyết	CCQ2012N	7.6	7.0	7.3	
226034	66	2120270102	Mai Thị Phương	Uyên	CCQ2027C	7.8	6.5	7.0	
226034	67	2120270172	Lê Thị Tú	Vân	CCQ2027E	7.6	6.5	7.0	
226034	68	2120120485	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	CCQ2012N	7.3	5.0	5.9	
226034	69	2120120486	Nguyễn Đình	Vũ	CCQ2012N	7.9	6.5	7.1	
226034	70	2118120353	Bùi Long	Vũ	CCQ1812D	7.9	5.5	6.5	
226034	71	2120120105	Nguyễn Khúc Nhậ	Vy	CCQ2012C	7.3	5.0	5.9	
226034	72		Bùi Thị Thu	Trang	CCQ2027D	8.1	8.0	8.1	
226034	73	2120120420	Nguyễn Thị	Chi	CCQ2012M	7.9	6.0	6.8	
226034	74	2120200075	Vô Thị Ngọc	Hân	CCQ2020C	7.8	7.0	7.3	
226034	75	2120200069	Ngô Thị Minh	Anh	CCQ2020C	7.1	6.0	6.5	
	76	2120200095	Trần Thị Ánh	Tuyết	CCQ2020C	7.3	6	6.5	